

THÁCH THỨC TRONG VIỆC NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM CÔNG NGHIỆP BẮC QUẢNG BÌNH

Bùi Thị Minh Nguyệt¹, Phạm Thị Huế², Bùi Thị Sen³

¹TS. Trường Đại học Lâm nghiệp

^{2,3}ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong công ty lâm nghiệp là một trong những nội dung cần thực hiện trong quá trình đổi mới các Công ty lâm nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 30 – NQ/TW về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Nghiên cứu đã đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên lâm công nghiệp Bắc Quảng Bình, đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Nghiên cứu chỉ ra một trong những thách thức rất lớn đối với nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty lâm nghiệp là hiệu quả sử dụng đất thấp, chính sách đóng cửa rừng tự nhiên, nguồn thu của Công ty lâm nghiệp chưa đa dạng.

Từ khóa: *Hiệu quả sản xuất kinh doanh, chính sách đóng cửa rừng tự nhiên, công ty lâm nghiệp.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW và Nghị định 200/2004/NĐ-CP về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh, các đánh giá về ngành Lâm nghiệp đã cho thấy những tồn tại trong thời gian qua của công ty lâm nghiệp (CTLN) là hiệu quả sản xuất kinh doanh và thu nhập của người lao động thấp, một số CTLN còn thua lỗ; nhiều CTLN chưa thực hiện được vai trò làm điểm tựa cho phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn (Báo cáo phát triển ngành lâm nghiệp, 2013). Trong bối cảnh đó, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 30 – NQ /TW ngày 12 tháng 03 năm 2014 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Một trong những nội dung đổi mới công ty nông, lâm nghiệp là phải đảm bảo nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp với người dân, góp phần xứng đáng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc

phòng tại các địa phương và sự nghiệp phát triển chung của đất nước. Điều đó cho thấy, việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp được coi là một vấn đề quan trọng trong sắp xếp, đổi mới các Công ty lâm nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

Công ty TNHH một thành viên Lâm – công nghiệp Bắc Quảng Bình là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 26/2002/QĐ- UBND, ngày 25/3/2002 của UBND tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hợp nhất các đơn vị sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp phía Bắc của tỉnh. Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng nguyên liệu, sản xuất cây giống lâm nghiệp, cao su, thông nhựa, khai thác tài nguyên rừng, chế biến lâm sản. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh là một nhiệm vụ đặt ra đối với doanh nghiệp để có thể tồn tại và phát triển trong giai đoạn hiện nay. Nghiên cứu tập trung đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty để từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong quá trình

thực hiện đổi mới các Công ty lâm nghiệp.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các thông tin được sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập trực tiếp tại Công ty TNHH MTV lâm công nghiệp Bắc Quảng Bình thông qua các báo cáo của Công ty, phỏng vấn trực tiếp cán bộ quản lý. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để phân tích

số liệu nhằm đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên lâm công nghiệp Bắc Quảng Bình

Hiệu quả kinh doanh của Công ty thể hiện trên Biểu 01.

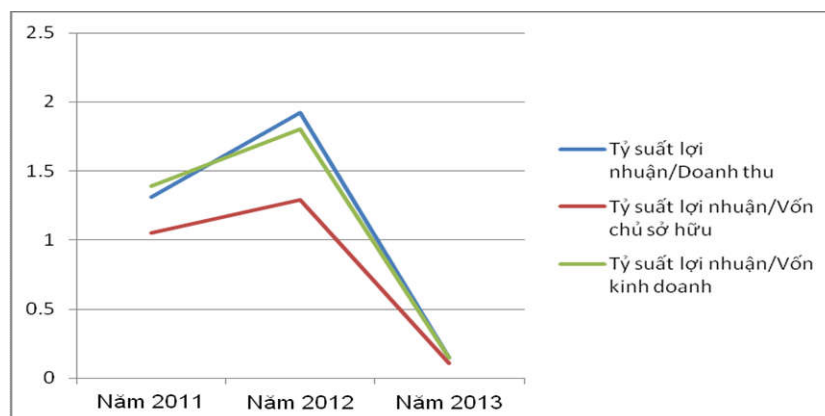
Biểu 01: Đánh giá hiệu quả kinh doanh của Công ty

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
I	Hiệu quả tổng hợp				
1	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%	1,31	1,92	0,15
2	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	%	1,05	1,29	0,11
3	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn kinh doanh	%	1,39	1,80	0,15
II	Hiệu quả sử dụng đất	trđ/ha	1,04	0,91	1,33
1	Doanh thu từ sản phẩm chính/1 ha đất	trđ/ha	0,59	0,52	0,70
2	Doanh thu từ SP phụ và LSNG/1ha đất	trđ/ha	0,44	0,36	0,39
3	Doanh thu từ hoạt động dịch vụ/1ha đất	trđ/ha	0,01	0,02	0,25
III	Hiệu quả sử dụng lao động				
1	Doanh thu/Lao động	trđ/năm	185,33	147,42	208,80
2	Lợi nhuận/Lao động	trđ/năm	2,43	2,83	0,31
3	Thu nhập bình quân 1 Lao động	trđ/năm	47	46	49
4	Số lao động sử dụng/1ha đất	người/ha	0,0057	0,0062	0,0063

Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty và tính toán của tác giả

Qua kết quả tính toán cho thấy, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm qua chưa cao, không ổn định. Nguyên nhân là do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được thấp và không ổn định qua các năm. Nguyên nhân là do mặc dù doanh thu tăng nhưng chi phí tăng cao (chủ yếu là chi phí quản lý doanh nghiệp) và lợi

nhuận khác giảm mạnh dẫn đến lợi nhuận trước thuế của công ty giảm. Đặc biệt khi có chính sách đóng cửa rừng thì sản lượng khai thác giảm, chi phí quản lý của Công ty vẫn đang cao. Đây là một thách thức rất lớn đối với Công ty trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.



Hình 01. Biến động hiệu quả kinh doanh tổng hợp của Công ty

Bên cạnh đó, cơ cấu nguồn thu của Công ty chưa cân đối, đang tập trung vào sản phẩm chính (chủ yếu nguồn thu từ khai thác gỗ rừng tự nhiên). Mặc dù, doanh thu của sản phẩm chính trên 1ha đất có xu hướng tăng nhưng doanh thu từ sản phẩm phụ và lâm sản ngoài gỗ trên 1 ha đất lại có xu hướng giảm. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và có xu hướng tăng lên. Năm 2013 doanh thu từ hoạt động dịch vụ tăng mạnh là do Công ty làm dịch vụ khai thác và bao tiêu sản phẩm cho các hộ gia đình trong vùng.

Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng lao động cũng không ổn định. Chỉ tiêu Doanh thu/ 1 lao động của công ty khá cao, cao nhất là năm 2013. Thu nhập bình quân 1 lao động khá ổn định trong 3 năm qua, chứng tỏ công ty đã chú trọng đến việc đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động. Nguyên nhân là do số

lượng lao động sử dụng trên 1 ha đất của công ty khá thấp, doanh thu của Công ty tương đối cao. Bên cạnh đó, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, Công ty đã sử dụng các hộ nhận khoán (400 hộ) để quản lý một phần diện tích đất của công ty. Với số lượng lao động ít, doanh thu cao cũng là một yếu tố làm tăng hiệu quả sử dụng lao động, tuy nhiên nếu số lượng lao động không đủ cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác các nguồn lực hiện có của công ty từ đó có thể làm giảm hiệu quả kinh doanh.

3.2. Thách thức trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty

a. Các nguồn thu của Công ty

Doanh thu của công ty có được từ các nguồn: doanh thu từ khai thác rừng tự nhiên, doanh thu từ khai thác rừng trồng, doanh thu từ các hoạt động dịch vụ. Số liệu cụ thể trong 3 năm gần đây như sau:

Biểu 02: Các nguồn hình thành doanh thu của Công ty

TT	Các nguồn hình thành doanh thu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	DT từ rừng tự nhiên	21.295	59,0	17.145	56,9	18.171	41,3
1.1	DT từ gỗ rừng tự nhiên	18.266		13.445		16.408	
1.2	DT từ LSNG, củi tận dụng	3.029		3.700		1.763	
2	DT từ rừng trồng	14.525	40,2	12.163	40,4	17.649	40,1
2.1	DT từ gỗ keo	2.254		3.647		6.594	
2.2	DT từ gỗ, củi, nhựa thông	12.271		8.488		11.045	
2.3	Củi tận dụng	0		28		10	
3	DT từ dịch vụ	302	0,8	808	2,7	8.181	18,6
	Tổng doanh thu	36.122	100	30.116	100	44.001	100

Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty

Qua biểu số liệu trên cho thấy trong 3 năm gần đây, doanh thu của công ty có được từ rừng tự nhiên chiếm tỷ trọng cao nhất. Riêng năm 2011 và 2012, tỷ trọng doanh thu từ rừng

tự nhiên cao hơn hẳn so với rừng trồng. Điều này chứng tỏ 2 năm này doanh thu của công ty chủ yếu có được từ khai thác rừng tự nhiên, cụ thể là từ các nguồn: khai thác gỗ tròn, mây

nước, gỗ tận dụng cành ngọn, gỗ lóc lõi. Nguồn thu từ khai thác lâm sản ngoài gỗ và củi tận dụng từ rừng tự nhiên còn rất thấp. Vì vậy, khi thực hiện chính sách đóng cửa rừng tự nhiên theo “*đề án tăng cường công tác quản lý gỗ rừng tự nhiên*” sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 và khá ổn định qua 3 năm là doanh thu từ rừng trồng (khoảng 40%). Đến năm 2013 tỷ trọng doanh thu từ rừng tự nhiên và rừng trồng tương đương nhau chứng tỏ công ty đã chú trọng hơn đến việc kinh doanh rừng trồng và dịch vụ để góp phần tăng doanh thu và phát triển ổn định công ty. Đây cũng chính là nguyên nhân tạo ra sự ổn định của Công ty khi thực hiện chính sách đóng cửa rừng tự nhiên. Bên cạnh doanh thu có được từ các sản phẩm chính thì doanh thu các hoạt

động dịch vụ cũng được Công ty quan tâm nhưng vẫn còn rất khiêm tốn. Năm 2013 có xu hướng tăng mạnh do công ty thực hiện các dịch vụ với hộ nông dân trong vùng về khai thác và bao tiêu sản phẩm.

Mặc dù doanh thu của công ty khá cao (từ 30 đến 44 tỷ) nhưng lợi nhuận không cao. Trong 3 năm gần đây lợi nhuận của công ty tăng giảm thất thường nhưng cả 3 năm đều có lợi nhuận dương. Lợi nhuận năm 2012 cao nhất, đạt xấp xỉ 578 triệu đồng, đến năm 2013 giảm xuống còn xấp xỉ 65 triệu đồng. Nhìn vào bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy nguyên nhân chủ yếu là do chi phí quản lý doanh nghiệp cao, một số Lâm trường hoạt động không có hiệu quả làm giảm lợi nhuận chung của Công ty.

c. Nguồn thu trên 1 ha của từng loại rừng công ty quản lý

Biểu 03: Nguồn thu trên 1 ha của từng loại rừng

TT	Các nguồn doanh thu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Diện tích khai thác (ha)	Doanh thu/ha (triệu đồng/ha)	Diện tích khai thác (ha)	Doanh thu/ha (triệu đồng/ha)	Diện tích khai thác (ha)	Doanh thu/ha (triệu đồng/ha)
1	Rừng tự nhiên	132	161,33	88	195	125	145,37
2	Rừng trồng (gỗ keo)			51	71	74	89

(Nguồn: Đề án tái cơ cấu công ty)

Qua biểu số liệu trên cho thấy doanh thu trên 1 ha rừng tự nhiên lớn hơn rất nhiều so với doanh thu trên 1 ha rừng trồng. Mỗi năm công ty được khai thác 20% trữ lượng rừng tự nhiên với trữ lượng bình quân 150 m³/ha. Bên cạnh đó, nguyên nhân doanh thu trên 1 ha rừng tự nhiên cao là do trữ lượng rừng tự nhiên lớn hơn so với trữ lượng rừng trồng (trữ lượng rừng tự nhiên bình quân là 150 m³/ha, trữ lượng rừng trồng bình quân đạt 120 m³/ha và đơn giá bán gỗ rừng tự nhiên cao hơn nhiều so

với gỗ rừng trồng. Đơn giá bán gỗ rừng tự nhiên đạt 4,5 đến 5 triệu/m³, trong khi đó đơn giá gỗ rừng trồng chỉ đạt 550 – 600 nghìn đồng/m³. Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty cần chú ý đến công tác trồng rừng thâm canh, nâng cao sản lượng rừng trồng trong thời gian tới.

d. Sự ảnh hưởng của chính sách đóng cửa rừng tự nhiên đến doanh thu của công ty

Trong 3 năm gần đây công ty vẫn đang được khai thác rừng tự nhiên, đóng góp một phần khá

lớn vào tổng doanh thu của công ty. Khi thực hiện chính sách đóng cửa rừng tự nhiên, công ty sẽ không được khai thác gỗ rừng tự nhiên dẫn đến doanh thu của công ty bị ảnh hưởng lớn.

Thay vì nhận được khoản tiền từ việc khai thác và tiêu thụ gỗ rừng tự nhiên, công ty sẽ chỉ nhận được tiền công quản lý bảo vệ rừng do Nhà nước trả. Số liệu cụ thể như sau:

Biểu 04: Doanh thu từ khai thác gỗ rừng tự nhiên

TT	Nội dung	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Khối lượng gỗ tiêu thụ (m ³)	3 964,61	2 643,69	3 747,02
2	Giá bán (trđ/m ³)	4,6	5,1	4,4
3	Doanh thu tiêu thụ (trđ)	18.266	13.445	16.408
4	Tỷ lệ với tổng doanh thu (%)	22,87	44,64	37,29

Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty

Theo Thông tư liên tịch số 80/2013/TTLT-BTC-BNN ngày 14/6/2013 giữa Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và PTNT *Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện bảo vệ và phát triển rừng*, mức khoán quản lý bảo vệ rừng tự nhiên là 200.000 đồng/ha/năm.

Như vậy, thay vì nhận được số tiền doanh thu tiêu thụ gỗ rừng tự nhiên 16,4 tỷ đồng (tính theo năm 2013) thì công ty chỉ nhận được số tiền:

$200\ 000 \times 24.345,50 = 4.869.100.000$ (đ),
xấp xỉ 4,9 tỷ đồng.

Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty. Tính theo số liệu năm 2013, điều này làm doanh thu từ rừng tự nhiên giảm đi 63% so với trước ($= (16.4 - 4.9)/18.17 \times 100 = 63\%$).

Đồng thời, nó cũng làm cho doanh thu của công ty giảm đi 26% so với trước ($= (16.4 - 4.9)/44 \times 100 = 26\%$).

Như vậy, nếu trong thời gian tới Nhà nước thực hiện chính sách đóng cửa rừng tự nhiên sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty (làm cho doanh thu của công ty giảm đi 26% - tính theo số liệu năm 2013).

Bên cạnh đó, chính sách đóng cửa rừng tự nhiên đã tạo động lực cho Công ty trong việc thay đổi chiến lược kinh doanh, chủ động tìm kiếm các nguồn thu thay thế sự phụ thuộc vào rừng tự nhiên như liên doanh trồng rừng, tìm kiếm hoạt động dịch vụ,... Thực tế kết quả kinh doanh năm 2013 cho thấy công ty cũng đã thực hiện khá tốt điều này. Hiện nay, công ty đang liên kết với công ty Havinta để trồng rừng nguyên liệu, xin chủ trương liên doanh với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam để trồng cao su với phương án công ty có đất, tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam đầu tư vốn. Trong đề án tái cơ cấu công ty, công ty cũng đã xác định sẽ phát triển ổn định dựa trên cơ cấu ngành nghề chính: trồng và khai thác mùn cao su, trồng rừng nguyên liệu, khai thác nhựa thông, sản xuất và cung ứng cây giống lâm nghiệp, chế biến mùn cao su. Hoạt động khai thác gỗ từ rừng tự nhiên sẽ còn chiếm tỷ trọng nhỏ vì vậy sự ảnh hưởng của chính sách đóng cửa rừng tự nhiên có thể sẽ ít gây ảnh hưởng đến Công ty.

4. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty

Để hạn chế các thách thức và nâng cao hiệu

quả sản xuất kinh doanh cho Công ty, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Đa dạng hóa nguồn thu, đặc biệt là nguồn thu từ rừng trồng, các hoạt động dịch vụ và tận thu sản phẩm phụ, lâm sản ngoài gỗ. Trong năm 2013 Công ty đã tiến hành làm dịch vụ khai thác cho các hộ nhận khoán, liên kết trồng rừng cao su, kết hợp kinh doanh sản phẩm phụ. Tuy nhiên, nguồn thu này còn đang rất khiêm tốn, nếu không tiến hành đa dạng hoá nguồn thu sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty.

- Tăng nguồn thu và tiết kiệm chi phí (đặc biệt chi phí quản lý) nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, Công ty cần nâng cao trình độ thâm canh rừng trồng và lựa chọn cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai và các lợi thế của địa phương.

- Cần rà soát lại quy mô diện tích đất đai hợp lý, phù hợp với khả năng quản lý của Công ty để nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng đất. Hiện nay, diện tích đất đai Công ty quản lý rộng, nhiều khu vực nằm xen kẽ với khu dân cư, đất rừng tự nhiên cần bảo vệ nhiều. Vì vậy, theo kế hoạch hàng năm Công ty có thể chuyển giao một số diện tích mà khó quản lý hoặc nằm xen kẽ với khu dân cư về cho địa phương quản lý, đất rừng tự nhiên cần bảo vệ cho ban quản lý rừng phòng hộ. Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp giữa Công ty với chính quyền địa phương để giải quyết vấn đề đất đai như tranh chấp, lấn chiếm đất đai. Công ty tăng cường thực hiện khoán kinh doanh rừng với người dân và thực hiện liên doanh liên kết trong kinh doanh rừng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức của người dân để quản lý bảo vệ rừng và đất rừng của công ty tốt hơn. Trong thời gian vừa qua, do nguồn tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt và khan hiếm, áp lực nhu

cầu gỗ ngày càng cao, dẫn đến áp lực vào rừng càng lớn nên gây ra hiện tượng người dân khai thác trái phép nguồn tài nguyên rừng, lấn chiếm đất đai của công ty. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy, công ty cần hạn chế tối đa hiện tượng khai thác trái phép và giải quyết dứt điểm phần diện tích đất đai bị lấn chiếm.

V. KẾT LUẬN

Hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty TNHH MTV lâm công nghiệp Bắc Quảng Bình đã được nâng cao trong những năm gần đây nhưng chưa ổn định. Công ty đã thực hiện đa dạng hóa nguồn thu, sử dụng nguồn thu từ kinh doanh rừng trồng, khai thác sản phẩm phụ và lâm sản ngoài gỗ để thay thế nguồn thu từ rừng tự nhiên khi thực hiện chính sách đóng cửa rừng tự nhiên. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty đang gặp rất nhiều thách thức như nguồn thu còn chưa đa dạng, chính sách Nhà nước thay đổi, hiệu quả sản xuất kinh doanh đang thấp và chưa ổn định. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm giúp Công ty nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong quá trình thực hiện đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ chính trị (2014), Nghị quyết 30 – NQ/TW về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.
2. Bộ NN&PTNT (2014), Báo cáo phát triển ngành Lâm nghiệp năm 2013.
3. Công ty TNHH MTV lâm công nghiệp Bắc Quảng Bình (2014), Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. UBND tỉnh Quảng Bình (2014), Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2014 – 2020.

CHALLENGES TO INCREASE EFFICIENCY IN BUSINESS AT INDUSTRIAL FORESTRY LIMITED COMPANY OF NORTHERN QUANG BINH

Bui Thi Minh Nguyet, Pham Thi Hue, Bui Thi Sen

SUMMARY

Improving the efficiency of production and business in the forestry company is one of the important tasks in the innovation process of forestry companies, according to the spirit of Resolution 30 - NQ/TW on further rearrangement, renovation and enhanced operational efficiency of agriculture and forestry companies. Studies have evaluated the efficiency of production and business of Industrial Forestry Limited Company of Northern Quang Binh, the impact of factor on business efficiency. Research shows one of the great challenges for improving the efficiency of production and business of forestry companies is low efficiency of land use, policies for non-harvested of natural forest, the less diversity of forestry company's revenues.

Keywords: *Efficiency of production and Business, non – harvested natural forest, forestry company, innovation.*

Người phản biện : PGS.TS. Lê Trọng Hùng
Ngày nhận bài : 17/6/2015
Ngày phản biện : 27/8/2015
Ngày quyết định đăng : 15/9/2015